

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

HỌC THUYẾT ĐẤU TRANH GIAI CẤP MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN HIỆN NAY

NGUYỄN QUANG HUNG (*)

Tóm tắt: Những người khám phá ra quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập từ T.Hốpxơ, J.J.Rút-xô tới I.Cantơ và G.Hêgen coi đấu tranh giữa các lực lượng xã hội là động lực phát triển xã hội, nhưng đều cân bằng hai về "thống nhất" và "đấu tranh" của quy luật này. C.Mác và Ph.Ăngghen, vì cần tập hợp giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa tư bản nên về sách lược, đã nhấn mạnh khía cạnh "đấu tranh" hơn "thống nhất". Do vậy, về nguyên tắc, cần cân bằng hai về của quy luật trên trong giải quyết các vấn đề xã hội. Việc nhấn mạnh "đấu tranh" hay "thống nhất" chỉ là sách lược. Việt Nam hiện nay không nên coi nhẹ đấu tranh nhưng không nên cường điệu đấu tranh giai cấp, mà nên coi trọng sự thống nhất, giữ gìn đại đoàn kết dân tộc.

Những năm gần đây, phù hợp với đường lối đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng trong bối cảnh kinh tế và chính trị toàn cầu mới, đã có nhiều học giả nêu ý kiến cần thay đổi nhận thức về quy luật mâu thuẫn và học thuyết đấu tranh giai cấp trong triết học Mác - Lênin(1). Bài viết góp thêm một ý kiến về vấn đề này, đặc biệt là mong muốn nâng cao chất lượng giảng dạy học thuyết đấu tranh giai cấp trong các trường đại học và cao đẳng hiện nay.

Trong giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc, học thuyết đấu tranh giai cấp từng giữ vai trò kim chỉ nam trong việc hoạch định đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế, đa dạng hoá văn hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại hiện nay, chúng ta phải có sự đổi mới và nâng cao trong nhận thức về triết học mácxít nói chung, học thuyết đấu tranh

giai cấp nói riêng. Theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khoá IX) nhằm củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, bài viết phác thảo tiền đề tư tưởng của học thuyết đấu tranh giai cấp, phân tích sự nhận thức và vận dụng học thuyết này ở Việt Nam thời kỳ trước đổi mới; từ đó, làm rõ hai điểm sau: *Thứ nhất*, các nhà triết học trước Mác, những người phát hiện ra quy luật mâu thuẫn, đã từng khẳng định sự cân bằng giữa thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập trong sự phát triển xã hội. *Thứ hai*, việc cường điệu sự đấu tranh hơn là sự thống nhất giữa các mặt đối lập,

(*) Tiến sĩ, Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(1) Xem: Nguyễn Tài Thư. *Từ các sự kiện mới của thế giới hiện thực tìm hiểu quy luật mâu thuẫn của triết học Mác*. Tạp chí Triết học, số 2, 1993; *Về mâu thuẫn xã hội, mâu thuẫn dân tộc và cách giải quyết chúng trong tư tưởng Hồ Chí Minh*. Tạp chí Triết học, số 1, 1994. Tác giả khẳng định hiện nay nên nhấn mạnh sự cân bằng giữa thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập trong sự phát triển xã hội.

ngoại trừ trong một số trường hợp cụ thể, nhìn chung không phù hợp với hoàn cảnh xã hội Việt Nam.

I. Tiền đề tư tưởng của học thuyết đấu tranh giai cấp

Như chúng ta đã biết, triết học xã hội của T.Hốpxơ (1588 – 1679) gồm hai luận điểm tương phản nhau. Theo ông, *một mặt*, ở trạng thái tự nhiên, con người không khác gì các loài động vật, bị chi phối bởi những dục vọng tự nhiên, bản năng. Con người, về bản tính tự nhiên, ác độc hơn cả gấu, rắn và chó sói. Xã hội loài người là “cuộc chiến tranh của tất cả chống lại tất cả” (*bellum omnium contra omnes*). Quan niệm của Hốpxơ về trạng thái tự nhiên của con người là tiền đề cho thuyết đấu tranh sinh tồn của Đácuy-n và chủ nghĩa Đácuy-n xã hội. *Mặt khác*, do nhu cầu được sống yên ổn của các thành viên xã hội, nên nhà nước ra đời. Với sự xuất hiện nhà nước, con người chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội. Nhà nước được hình thành trên cơ sở khế ước xã hội, đóng vai trò dung hòa lợi ích, khát vọng của các thành viên xã hội. Nhà nước có quyền năng tuyệt đối, vừa đảm bảo cho các cá nhân được tự do, vừa duy trì trật tự xã hội, chỉ cho phép các cá nhân tự do trong một khuôn khổ nhất định, không cho phép cá nhân vi phạm lợi ích cộng đồng. Những người đứng đầu bộ máy quyền lực nhà nước phải đảm bảo “không được làm cho công dân nào chịu bất công cả” (2).

J.J.Rút-xô (1712-1778) đã đưa ra ý tưởng sâu sắc về sự phát triển xã hội thông qua mâu thuẫn. Ông nhận thấy một nghịch lý là “người ta sinh ra tự do, nhưng rồi đâu đâu con người cũng sống trong xiềng xích –

Có kẻ tưởng mình là ông chủ, mà thật ra còn nô lệ hơn cả tôi tớ của họ” (3). Những quan hệ xã hội vốn là sản phẩm do hoạt động con người lại trở thành công cụ trói buộc tự do của chính con người. Theo Rút-xô, nghịch lý: “Trong tay Tạo hóa, mọi vật tốt đẹp biết bao, trong khi đó dưới bàn tay con người thì mọi cái trở lên đồi bại” (4) không phải xuất hiện ngẫu nhiên, mà có nguồn gốc sâu xa trong sự phát triển của xã hội.

Truy tìm nguyên nhân của nghịch lý trên, Rút-xô nhận thấy sở hữu tư nhân là nguồn gốc sinh ra chênh lệch giàu – nghèo và mọi bất công khác trong xã hội công dân. Chính sở hữu tư nhân làm cho xã hội bị phân hóa, hình thành các tầng lớp xã hội khác nhau. Thực vậy, sở hữu tư nhân là nhân tố cơ bản giúp cho kinh tế xã hội phát triển, nhưng đồng thời cũng là nguồn gốc sinh ra mọi bất công, phân hoá giàu nghèo trong xã hội.

Cũng như Hốpxơ, Rút-xô cho rằng nhà nước ra đời trên cơ sở khế ước xã hội, đóng vai trò như một sự điều hòa mâu thuẫn giữa các tầng lớp xã hội. Nhưng, trong xã hội có giai cấp đối kháng, nhà nước dần dần bị thoái hoá, trở thành công cụ bảo vệ quyền lợi của tầng lớp thống trị, đi ngược mục tiêu ban đầu là vì tất cả các thành viên trong xã hội. Do vậy, phải tiến hành cách mạng xã hội, xoá bỏ hình thức nhà

(2) Thomas Hobbes. *De cive*, chương 7, mục 14. Trích theo: Johannes Hirschberger. *Geschichte der Philosophie*, Band II, 13e Auflage, Freiburg/ Basel/ Wien, 1991, s. 196.

(3) J.J.Rousseau. *Bàn về khế ước xã hội* (bản dịch của Thanh Dạm). Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1992, tr. 29.

(4) J.J.Rousseau. *Émile ou de l'éducation*. Trích theo: Johannes Hirschberger. *Geschichte der Philosophie*. Sdd., s. 254.

nước cũ của tầng lớp thống trị, thiết lập nhà nước mới của toàn dân. Ông viết: "Mục đích cuối cùng của một tập thể chính trị là gì? Chính là sự bảo toàn và phát triển của các thành viên tập thể (...) Một chính phủ mà để cho dân ngày càng hao mòn, suy nhược, số dân ngày càng giảm sút; đó là một chính phủ tồi tệ nhất"(5). Để xoá bỏ mọi bất công và đảm bảo sự bình đẳng cho tất cả mọi người, Rút-xô cho rằng, cần phải xây dựng những khế ước xã hội; rằng, "Công ước cơ bản (pacte fundamental) không phá bỏ sự bình đẳng tự nhiên, nó xây dựng sự bình đẳng tinh thần và hợp pháp để thay thế cái mà thiên nhiên đã làm cho con người không bình đẳng về thể lực. Trên phương diện khế ước và pháp quyền, con người tuy không đồng đều nhau về thân thể và trí tuệ vẫn được hoàn toàn bình đẳng ngang nhau"(6). Trong mô hình xã hội lý tưởng, ông chủ trương: *một mặt*, tiếp tục duy trì sự tồn tại của sở hữu tư nhân, bởi không có nó thì nền kinh tế - xã hội mất đi sinh lực để phát triển. Một xã hội không thể phát triển nếu không có cạnh tranh, không có cọ sát giữa các lực lượng, tầng lớp xã hội khác nhau. *Mặt khác*, không nên duy trì sở hữu tư nhân ở mức độ thái quá, bởi đó là nguồn gốc sinh ra mọi bất công xã hội. Theo Rút-xô, trong xã hội lý tưởng không cho phép tồn tại cả kẻ giàu, lẫn người nghèo, mà chỉ có tầng lớp trung lưu, tiểu tư sản là hợp lý nhất. Duy trì sự tồn tại của sở hữu tư nhân ở mức độ vừa phải và có thể kiểm soát được, như ông quan niệm, là giải pháp tối ưu đối với sự phát triển và phồn vinh xã hội.

I.Cantơ (1724 - 1804) và G.Hêgen (1770 - 1831) đã kế thừa những tư tưởng trên đây

của Hốp-xơ và J. J.Rút-xô. Nếu như trong nhận thức luận, Cantơ đã thừa nhận mâu thuẫn của lý tính là một tất yếu, thì trong phân tích mâu thuẫn xã hội, điều này càng thể hiện rõ. Về mặt lý thuyết, đạo đức và chính trị là hai lĩnh vực hoạt động của con người không bài trừ nhau. Nhưng thực tế, chúng mâu thuẫn. Trong khi chính trị chỉ quan tâm tới lợi ích, thì đạo đức hướng con người tới những giá trị nhân đạo. Mô hình "nhà chính trị đạo đức, chứ không phải nhà đạo đức chính trị" được coi là giải pháp giải quyết mâu thuẫn giữa đạo đức và chính trị(7).

Theo quan điểm của Cantơ, sự đấu tranh giữa các tầng lớp, cách mạng xã hội là công cụ để đi đến một xã hội mới, trong đó các quyền tối thiểu và các giá trị nhân bản của con người được tôn trọng. Đây là cơ sở để ông đề xuất một loạt ý tưởng hướng nhân loại tới một nền hòa bình vĩnh cửu. Cantơ thấy trước rằng, việc thiết lập một thế giới hòa bình vĩnh cửu sẽ rất khó khăn, nhưng vốn là một nhà nhân đạo, ông luôn lạc quan về một tương lai hòa bình cho nhân loại.

G.Hêgen là người đầu tiên xây dựng nên quy luật về sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập. Ông cho rằng, phải có sự cân bằng giữa hai khía cạnh "đấu tranh" và "thống nhất". Sự dung hòa, cân bằng hai mặt "thống nhất" và "đấu tranh" ở Hêgen càng thể hiện rõ trong những phân tích của ông về mâu thuẫn xã hội. Hêgen, *một mặt*, đề cao vai trò của mâu thuẫn, coi đó là động lực của sự phát triển

(5) J.J.Rousseau.. *Bàn về khế ước xã hội*. Sđd., 125.

(6) J.J.Rousseau.. *Bàn về khế ước xã hội*. Sđd., 51 - 52.

(7) I.Kant. *Zum ewigen Frieden*, Verlag Philipp Reclam. Leipzig, 1984, p. 39-40.

xã hội; *mặt khác*, chủ trương tìm kiếm sự thống nhất giữa các mặt đối lập. Theo ông, xã hội là một chỉnh thể thống nhất và suy cho cùng, trong tiến trình lịch sử, “cái gì hiện thực, thì hợp lý. Và cái gì hợp lý, thì hiện thực”(8). Hêgen phân biệt rất rõ sự khác nhau giữa “tồn tại” và “hiện thực”. Tồn tại nghĩa là có, khẳng định sự hiện diện của sự vật. Chẳng hạn, một người từ khi sinh ra tới lúc chết đi, dưới góc độ tồn tại là như nhau. Trong khi hiện thực là trạng thái hiện tại của người đó trong quan hệ với các vật khác (tuổi tác, sức khỏe,...). Về phương diện chính trị - xã hội, luận điểm trên của Hêgen khẳng định tính tất yếu của tiến trình phát triển lịch sử.

Như vậy, các nhà triết học trước Mác, từ Hốpxơ, Rút-xô tới Canto và Hêgen đều có một điểm chung là nhấn mạnh vai trò của mâu thuẫn trong sự phát triển xã hội, đồng thời cũng nhấn mạnh sự cân bằng của hai vế “đấu tranh” và “thống nhất” giữa các mặt đối lập xuất phát từ cơ sở khách quan của sự phát triển xã hội.

C.Mác và Ph.Ăngghen không thể xây dựng được học thuyết đấu tranh giai cấp nếu không dựa vào những tiền đề tư tưởng trên đây. Không chỉ kế thừa tư tưởng của các bậc tiền bối, C.Mác và Ph.Ăngghen còn luôn gắn nó với thực tiễn của cách mạng, của phong trào công nhân trong cuộc đấu tranh nhằm xoá bỏ những bất công của chế độ tư bản châu Âu thế kỷ XIX, xây dựng xã hội cộng sản không còn chế độ người bóc lột người. Do vậy, C. Mác có khuynh hướng đề cao khía cạnh “đấu tranh” hơn so với khía cạnh “thống nhất”. Nếu như Rút-xô, Canto, Hêgen chủ yếu nói đến mâu thuẫn xã hội (sozialer Widerspruch) và khái niệm tầng lớp xã hội (soziale Schicht), thì Mác trực

tiếp bản về đấu tranh giai cấp (der Klassenkampf), sử dụng khái niệm “giai cấp” (die Klasse), nhấn mạnh sự khác biệt giữa các nhóm, tầng lớp người khác nhau trong xã hội. Đây là điểm khác nhau giữa Mác với các nhà tư tưởng tiền bối trong quan niệm về mâu thuẫn xã hội. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* xuất bản năm 1848 được mở đầu bằng luận điểm: “Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp”(9).

Với luận điểm trên, C.Mác và Ph.Ăngghen được coi là tác giả của học thuyết đấu tranh giai cấp. Nhấn mạnh đấu tranh so với thống nhất, C.Mác phê phán Prudông điều hòa mâu thuẫn, giáo điều chính trị, muốn duy trì cả vua lẫn thượng nghị viện và hạ nghị viện; đồng thời, ông cũng không tán thành với ý tưởng dung hòa mâu thuẫn xã hội của Hêgen. Các ông khẳng định rằng, giai cấp vô sản phải đấu tranh xoá bỏ chế độ tư bản và “trong cuộc cách mạng ấy, những người vô sản chẳng mất gì hết, ngoài những xiềng xích trói buộc họ. Họ sẽ giành được cả thế giới”(10).

Việc nhấn mạnh khía cạnh “đấu tranh” hơn khía cạnh “thống nhất” được V.I.Lênin và các nhà cách mạng Nga sau này đề cao với luận điểm cho rằng, “Đấu tranh là tuyệt đối, thống nhất là tương đối”; đồng thời, coi đấu tranh giai cấp là “Cuộc đấu tranh của quần chúng bị tước hết quyền, bị áp bức và lao động, chống bọn có đặc

(8) G.W.F.Hegel. *Die Grundlinien der Philosophie des Rechts* (Nguyên văn: Was vernuenftig ist, das ist wirklich; und was wirklich ist, das ist vernuenftig).

(9) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t. 4. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 596.

(10) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr. 646

quyền, đặc lợi, bọn áp bức và bọn ăn bám, cuộc đấu tranh của những người công nhân làm thuê hay những người vô sản chống những người hữu sản hay giai cấp tư sản”(11).

Khảo cứu các quan niệm trên về mâu thuẫn xã hội, chúng ta thấy rằng, mặc dầu đấu tranh giai cấp có cơ sở xã hội khách quan(12), nhưng về phương diện lý luận, không thể tách biệt hai vế “đấu tranh” và “thống nhất” giữa các mặt đối lập. Bản thân xã hội luôn là một chỉnh thể thống nhất. Việc dung hòa, cân bằng hai vế đó như trong sự phân tích mâu thuẫn xã hội của các nhà tư tưởng Hốpxơ, Rútxô, I.Cantơ tới G.Hêgen là có cơ sở khoa học. Ngay cả C.Mác cũng không phủ nhận sự thống nhất giữa các mặt đối lập trong mâu thuẫn biện chứng. Các nhà kinh điển cũng ít bàn đến mâu thuẫn trong xã hội cộng sản không còn giai cấp. Như vậy, việc nhấn mạnh khía cạnh “đấu tranh” so với khía cạnh “thống nhất” của C.Mác và V.I.Lênin là mang tính sách lược, phụ thuộc vào từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Đây cũng là điểm khác biệt của các nhà kinh điển so với các vị tiền bối.

II. Đôi điều về nhận thức và vận dụng học thuyết đấu tranh giai cấp ở Việt Nam

Sự nhận thức và vận dụng học thuyết đấu tranh giai cấp của C.Mác ở Việt Nam hiện còn một số mặt tồn tại sau:

Thứ nhất, trong việc giảng dạy và nghiên cứu học thuyết đấu tranh giai cấp, chúng ta ít chú ý tới những tiền đề tư tưởng sản sinh ra nó. Mặc dầu không phủ nhận những giá trị trong di sản tư tưởng của nhân loại, nhưng trên thực tế, chúng ta còn ít chú trọng nghiên cứu các trào lưu

tư tưởng ngoài lý luận Mác - Lênin. Điều này được thể hiện rất rõ trong thời kỳ trước đổi mới. Kết quả là những giá trị sâu sắc trong tư tưởng của Hốpxơ, Rútxô, Cantơ, Hêgen... về mâu thuẫn xã hội đã không được nhìn nhận đầy đủ.

Thứ hai, chúng ta không đánh giá đúng mức sự biến đổi của xã hội phương Tây, nơi sản sinh ra học thuyết đấu tranh giai cấp. Xã hội phương Tây hiện nay nói chung đã có những thay đổi đáng kể so với thời C.Mác và V.I.Lênin. Mặc dầu vẫn còn giai cấp, nhưng các giai tầng xã hội trong xã hội phương Tây hiện đại có xu thế đan xen lẫn nhau nên ranh giới giữa chúng mang tính tương đối. Trong các lý thuyết xã hội phương Tây hiện đại, những khái niệm “giai cấp”, “đẳng cấp” đang dần được thay bằng khái niệm “tầng lớp” hay “giai tầng”.

Thứ ba, chúng ta chưa đánh giá đúng mức những điểm khác biệt của xã hội Á Đông và Việt Nam so với xã hội châu Âu. Khác với các nhà nước Âu châu, sự hình thành Nhà nước Việt Nam cổ đại không chỉ gắn với cơ sở kinh tế, mà còn xuất phát từ nhu cầu trị thủy, đấu tranh chống ngoại xâm, v.v.. Các tầng lớp sĩ, nông, công, thương trong xã hội Trung Hoa và Việt Nam truyền thống không chỉ dựa trên nền tảng kinh tế, mà còn phụ thuộc nhiều vào những yếu tố văn hoá, tôn giáo, lễ nghi và tập tục xã hội. Quan hệ giữa các giai tầng

(11) V.I. Lênin. Toàn tập, t. 7. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1979, tr. 237-238.

(12) Không nên coi đấu tranh giai cấp là động lực phát triển duy nhất của xã hội có giai cấp. Nhận định “đấu tranh giai cấp – một trong những động lực phát triển của xã hội có giai cấp” là thoả đáng. Xem: *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (dùng trong các trường đại học, cao đẳng). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 387.

trong xã hội không phải lúc nào cũng mang tính đối kháng. Tiến trình lịch sử Việt Nam diễn ra thông qua hình thức phát triển từ từ, cải cách hơn là mang tính chất đột biến và cách mạng. Không phải ngẫu nhiên mà “hòa” được coi là một đặc điểm nổi bật trong triết lý sống của phương Đông truyền thống.

Sự khẳng định vai trò to lớn của lý luận Mác - Lênin đối với cách mạng Việt Nam là hoàn toàn cần thiết. Nhưng, chúng ta cũng không nên quên rằng, việc cường điệu hoá lập trường giai cấp, quy mọi cái về mâu thuẫn dịch - ta, cường điệu khía cạnh “đấu tranh” so với khía cạnh “thống nhất” hoặc vận dụng học thuyết đấu tranh giai cấp một cách giáo điều... đều có thể dẫn đến một số sai lầm nào đó(13). Bởi vì, như Ăngghen đã chỉ rõ: “Toàn bộ thế giới quan của Mác không phải là một học thuyết, mà là phương pháp. Nó không đem lại những giáo điều có sẵn, mà đem lại những điểm xuất phát cho việc tiếp tục nghiên cứu và phương pháp cho sự nghiên cứu đó(14) và do vậy, không nên vận dụng học thuyết đấu tranh giai cấp một cách máy móc. Nguyễn Ái Quốc, ngay từ 1923, đã nhận thấy có sự khác biệt giữa xã hội Á Đông với châu Âu. Người cho rằng, học thuyết Mác được xây dựng trên cơ sở lịch sử châu Âu, mà châu Âu chưa phải là toàn nhân loại(15). Bản thân C.Mác dường như cũng đã nhận thấy điều này khi đề cập đến phương thức sản xuất châu Á trong tác phẩm *Những hình thái có trước nền sản xuất tư bản chủ nghĩa*.

Từ sự phân tích trên, có thể rút ra hai kết luận sau:

1/. Quan điểm dung hòa mâu thuẫn, cân bằng hai khía cạnh “đấu tranh” và “thống nhất” khi bàn về phát triển xã hội của các nhà triết học phương Tây Cận đại là có cơ sở khoa học, xuất phát từ thực tiễn vận động khách quan của xã hội. Việc nhấn mạnh khía cạnh “đấu tranh” so với “thống nhất” của các nhà kinh điển mang tính sách lược trong bối cảnh cần tập hợp giai cấp công nhân đấu tranh lật đổ chế độ tư bản. Thế giới hiện nay vẫn còn giai cấp, đấu tranh giai cấp, nhưng xu hướng chung là hoà dịu và hợp tác.

2/. Việc vận dụng học thuyết đấu tranh giai cấp cần tính đến đặc trưng văn hoá - xã hội của dân tộc. Quan hệ giữa các giai tầng trong tiến trình lịch sử của nước ta không thường xuyên mang tính đối kháng; do vậy, việc cường điệu đấu tranh so với thống nhất, nhìn chung, là không phù hợp với xã hội Việt Nam. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn đặt quyền lợi dân tộc lên trên hết và nhấn mạnh: “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”.

Hiện nay, hơn lúc nào hết, chúng ta phải đặt lợi ích dân tộc cao hơn quyền lợi giai cấp, phải “phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”(16).□

(13) Trong diễn văn Kỷ niệm 75 năm thành lập Đảng, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã thừa nhận một số sai lầm trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thời kỳ trước đổi mới. Xem: Báo *Nhân Dân*, ngày 3-2-2005.

(14) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.39, tr.545.

(15) Xem: Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.1. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.478-479.

(16) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 9.